

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>13 - 35</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con, lợi ích của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 09 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 06 lần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 07 tháng 05 năm 2010 thay đổi số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành số 0500313811 và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

***Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu: 50.000.000.000 VND***

***Trụ sở hoạt động:***

Địa chỉ : Lô A16 TT9 Khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội  
Điện thoại : 04 33 545 735  
Fax : 04 33 542 280  
Mã số thuế : 0500313811

***Các đơn vị trực thuộc:***

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.3 (*)	KĐT Văn Quán, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội.
Chi nhánh Sông Đà 11.5	KĐT Văn Quán, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội
Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bốn, Mù Cang Chải, Yên Bái
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạm, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

(\*) Sau khi kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2009 Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tách chuyển Chi nhánh Sông Đà 11.3 góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

***Ngành nghề kinh doanh:***

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và buru điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; Quản lý vận hành kinh doanh bán điện;
- Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp kết cấu công trình;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch, vận tải hàng hóa đường bộ;

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; Xây dựng các nhà máy thủy điện, sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, chiếu sáng, thông gió, điều hòa, thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

### *Các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	BT03, Vị trí 24, Dự án KĐT Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	31%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Lô 74 - 76C, KP 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	59,6%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Boong, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.	76%

### *Các công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	TTTTM Hà Đông, Số 8 - Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội.	33,12%
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Tòa nhà HH4, Mỹ Đình, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	36%

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty và Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Châu	Chủ tịch	31 tháng 08 năm 2004	21 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đăng Bí	Ủy viên	31 tháng 08 năm 2004	-
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	31 tháng 08 năm 2004	-
Ông Đoàn Ngọc Ly	Ủy viên	10 tháng 04 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	21 tháng 04 năm 2010	-

#### ***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Anh Vinh	Trưởng ban	06 tháng 08 năm 2009	-
Ông Ngô Văn Đễ	Thành viên	30 tháng 08 năm 2004	-
Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên	30 tháng 08 năm 2004	-

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

## ***Ban Tổng Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2004	29 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đăng Bí	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2004	-
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 02 năm 2005	29 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 03 năm 2006	-
Ông Đoàn Ngọc Ly	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 05 năm 2010	-

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty và Công ty con trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**

---

**Nguyễn Văn Sơn**

Ngày 30 tháng 08 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU  
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 30 tháng 8 năm 2010, từ trang 6 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

---

**Nguyễn Hoàng Đức**

Số chứng chỉ KTV: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2010

---

**Nguyễn Thị Tư**

Số chứng chỉ KTV: Đ.0059/KTV

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>587,148,566,729</b>	<b>620,095,911,809</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>34,351,917,044</b>	<b>103,770,066,739</b>
1. Tiền	111		34,351,917,044	45,349,798,733
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	58,420,268,006
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7,221,151,503</b>	<b>39,300,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	7,221,151,503	39,300,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>342,268,590,252</b>	<b>258,082,641,051</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	273,837,279,657	216,024,186,503
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	65,703,462,331	34,533,783,141
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2,727,848,264	7,572,687,038
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(48,015,631)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>175,441,999,306</b>	<b>195,441,809,087</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	175,441,999,306	195,441,809,087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27,864,908,624</b>	<b>23,501,394,932</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,710,260,572	222,127,648
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,160,475,906	3,805,297,964
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	20,994,172,146	19,473,969,320

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>199,459,103,324</b>	<b>175,324,293,357</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153,776,553,962</b>	<b>138,437,807,976</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	114,341,303,883	114,231,806,218
<i>Nguyên giá</i>	222		152,062,549,763	149,163,037,848
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(37,721,245,880)	(34,931,231,630)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1,293,706,257	1,380,179,781
<i>Nguyên giá</i>	228		2,216,090,426	2,216,090,426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(922,384,169)	(835,910,645)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	38,141,543,822	22,825,821,977
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>38,382,747,012</b>	<b>29,341,124,180</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	15,982,747,012	6,941,124,180
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22,400,000,000	22,400,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,154,802,350</b>	<b>4,030,361,201</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3,963,331,118	3,791,889,969
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	191,471,232	238,471,232
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.16	<b>3,145,000,000</b>	<b>3,515,000,000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>786,607,670,053</b>	<b>795,420,205,166</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>598,592,705,117</b>	<b>610,868,813,441</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>518,293,938,681</b>	<b>523,135,561,533</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	57,844,393,021	120,850,820,845
2. Phải trả người bán	312	V.18	144,758,309,431	129,583,827,544
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	203,818,724,633	173,416,480,182
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	16,484,333,642	13,893,359,868
5. Phải trả người lao động	315		24,502,606,841	24,865,172,252
6. Chi phí phải trả	316	V.21	37,111,081,216	21,383,722,030
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	31,398,349,437	37,719,534,602
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	2,376,140,460	1,422,644,210
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>80,298,766,436</b>	<b>87,733,251,908</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	76,972,377,413	64,779,666,079
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	843,790,043	921,615,551
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	2,482,598,980	22,031,970,278
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>134,075,289,116</b>	<b>131,801,669,426</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.27</b>	<b>134,075,289,116</b>	<b>131,801,669,426</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,297,580,408	32,297,580,408
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(128,058,585)	(128,058,585)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		32,213,253,801	21,349,814,198
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,941,472,470	1,877,472,470
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16,751,041,022	26,404,860,935
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.28</b>	<b>53,939,675,821</b>	<b>52,749,722,299</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>786,607,670,053</b>	<b>795,420,205,166</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<u>                    </u>	<u>                    </u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8,092,639,768	8,092,639,768
5. Ngoại tệ các loại:			-
Dollar Mỹ (USD)		-	202
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 30 tháng 08 năm 2010

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

---

**Đỗ Giáp Tý**

---

**Trần Văn Ngu**

---

**Nguyễn Văn Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	312,386,741,514	242,469,362,253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		33,689,615	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		312,353,051,899	242,469,362,253
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	269,013,351,793	201,532,818,848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43,339,700,106	40,936,543,405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,881,545,484	1,192,714,413
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9,413,696,477	5,186,531,196
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,271,308,366	5,028,815,568
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	45,766,545	122,368,819
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	21,390,157,667	19,160,266,835
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,371,624,901	17,660,090,968
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,458,515,130	502,995,456
12. Chi phí khác	32	VI.8	927,156,161	78,547,034
13. Lợi nhuận khác	40		2,531,358,969	424,448,422
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	1,995,843,634	153,398,270
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20,898,827,504	18,237,937,660
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	4,879,987,241	2,918,055,834
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16,018,840,263</u>	<u>15,319,881,826</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3,821,003,522	1,709,989,082
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		12,197,836,741	13,609,892,744
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2,442</u>	<u>2,747</u>

Lập ngày 30 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Giáp Tý

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20,898,827,504	18,237,937,660
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,933,893,245	5,362,383,447
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,567,629,116)	(808,413,849)
- Chi phí lãi vay	06		9,271,308,366	5,028,815,568
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32,536,399,999	27,820,722,826
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(91,570,119,755)	(81,050,108,857)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19,999,809,781	(35,392,441,051)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21,307,863,960	74,427,389,606
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,659,574,073)	(1,856,916,200)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10,146,494,656)	(5,043,942,765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,524,061,385)	(3,828,486,701)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		506,193,759	913,737,094
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,022,693,759)	(623,116,600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(33,572,676,129)</b>	<b>(24,633,162,648)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(21,747,673,771)	(10,740,486,401)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		44,565,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,076,615,421)	(14,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39,324,903,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1,600,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,423,064,116	808,413,849
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>14,968,242,924</b>	<b>(25,532,072,552)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		59,754,482,886	82,709,749,546
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(110,568,199,376)	(23,183,442,568)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7,913,046,600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(50,813,716,490)</b>	<b>51,613,260,378</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(69,418,149,695)</b>	<b>1,448,025,178</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>103,770,066,739</b>	<b>49,934,993,128</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>34,351,917,044</b>	<b>51,383,018,306</b>

Lập ngày 30 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Giáp Tý

Trần Văn Ngư

Nguyễn Văn Sơn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con, lợi ích của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Xây dựng

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
- Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. **Tổng số các công ty con** : 03.

*Trong đó:*

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0.

5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long (*)	BT3, VT24, Dự án KĐT Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	31%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Lô 74 - 76C, KP 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	53,7%	59,6%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Boong, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.	61,99%	76%

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 31% nhưng vẫn được trình bày ở khoản mục Đầu tư vào công ty con do Công ty có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty con.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	TTTTM Hà Đông, Số 8 Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội.	33,12%	33,12%
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Tòa nhà HH4, Mỹ Đình, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	36%	36%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Cơ sở hợp nhất**

#### ***Các công ty con***

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

### ***Các công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Riêng thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp số lượng, khối lượng sản phẩm và thời gian khấu hao là 25 năm.

### **7. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà***

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### **11. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 5 năm.

### **12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **15. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty mẹ và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.357.088.745	4.581.813.214
Tiền gửi ngân hàng	29.994.828.299	40.767.985.519
Các khoản tương đương tiền	-	58.420.268.006
<i>Là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng</i>		<i>58.420.268.006</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>34.351.917.044</u></b>	<b><u>103.770.066.739</u></b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	7.221.151.503	39.300.000.000
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng</i>	-	<i>39.300.000.000</i>
- <i>Cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà vay với lãi suất biến động theo lãi suất cho vay của ngân hàng BIDV.</i>	<i>7.221.151.503</i>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.221.151.503</u></b>	<b><u>39.300.000.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	253.993.557.802	196.722.368.960
Phải thu về cung cấp điện, nước	16.845.471.783	17.134.961.172
Phải thu tiền bán thành phẩm	2.998.250.072	2.166.856.371
<b>Cộng</b>	<b><u>273.837.279.657</u></b>	<b><u>216.024.186.503</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	52.467.648.393	16.754.495.321
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	12.172.027.957	16.912.434.113
Trả trước cho nhà cung cấp điện	159.053.641	258.586.807
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	401.380.900	540.750.900
Trả trước cho nhà cung cấp khác	503.351.440	67.516.000
<b>Cộng</b>	<b><u>65.703.462.331</u></b>	<b><u>34.533.783.141</u></b>

### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT, BHTN phải thu CBCNV	386.232.569	271.012.412
Tiền ăn phải thu CBCNV	265.132.250	381.333.990
Phải thu các đội công trình	353.275.322	443.823.675
Cho Tập đoàn Sông Đà vay vốn lưu động	-	4.763.535
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư chưa quyết toán	350.291.609	5.262.456.341
Tổng công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng	-	250.000.000
Nguyễn Hữu Kỳ - Tiền dự án khu đô thị Nhon Trạch	222.000.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	100.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.050.916.514	959.297.085
<b>Cộng</b>	<b><u>2.727.848.264</u></b>	<b><u>7.572.687.038</u></b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	83.140.750	2.746.302.767
Nguyên liệu, vật liệu	17.724.070.213	56.056.950.269
Công cụ, dụng cụ	530.076.321	669.331.331
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	156.073.783.651	135.000.354.562
Thành phẩm	1.030.928.371	968.870.158
<b>Cộng</b>	<b><u>175.441.999.306</u></b>	<b><u>195.441.809.087</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	135.398.648	500.557.555	188.088.443	447.867.760
Chi phí thuê nhà	86.729.000	258.000.000	258.729.000	86.000.000
Chi phí quản lý chờ kết chuyển	-	2.129.033.240	952.640.428	1.176.392.812
<b>Cộng</b>	<b>222.127.648</b>	<b>2.887.590.795</b>	<b>1.399.457.871</b>	<b>1.710.260.572</b>

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	20.688.138.916	16.973.371.362
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.000.000	2.015.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	293.033.230	485.597.958
<b>Cộng</b>	<b>20.994.172.146</b>	<b>19.473.969.320</b>

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	54.927.825.570	67.856.110.012	24.227.320.215	2.151.782.051	149.163.037.848
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	-	1.035.972.726	6.266.990.774	107.118.182	7.410.081.682
Giảm trong kỳ	(1.362.605.338)	(1.659.753.783)	(1.358.505.727)	(129.704.919)	(4.510.569.767)
Thanh lý, nhượng bán	-	(445.064.769)	(261.949.091)	(26.174.285)	(733.188.145)
Do góp vốn	(1.362.605.338)	(1.214.689.014)	(1.096.556.636)	(103.530.634)	(3.777.381.622)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>53.565.220.232</b>	<b>67.232.328.955</b>	<b>29.135.805.262</b>	<b>2.129.195.314</b>	<b>152.062.549.763</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	7.666.897.928	15.105.145.591	10.617.324.098	1.541.864.013	34.931.231.630
Khấu hao trong kỳ	1.234.778.298	2.524.377.407	1.958.284.416	129.979.600	5.847.419.721
Giảm trong kỳ	(340.651.320)	(1.344.436.169)	(1.255.774.572)	(116.543.410)	(3.057.405.471)
Thanh lý, nhượng bán	-	(445.064.769)	(261.949.091)	(26.174.285)	(733.188.145)
Do góp vốn	(340.651.320)	(899.371.400)	(993.825.481)	(90.369.125)	(2.324.217.326)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.561.024.906</b>	<b>16.285.086.829</b>	<b>11.319.833.942</b>	<b>1.555.300.203</b>	<b>37.721.245.880</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	47.260.927.642	52.750.964.421	13.609.996.117	609.918.038	114.231.806.218
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>45.004.195.326</b>	<b>50.947.242.126</b>	<b>17.815.971.320</b>	<b>573.895.111</b>	<b>114.341.303.883</b>

Tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Thác Trắng có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 68.628.969.872 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Giá trị lợi thế kinh doanh</u>	<u>Giá trị thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	486.620.000	729.470.426	1.000.000.000	2.216.090.426
Tăng trong kỳ				-
Giảm trong kỳ				-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>486.620.000</b>	<b>729.470.426</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>2.216.090.426</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	352.577.309	483.333.336	835.910.645
Khấu hao trong kỳ		36.473.520	50.000.004	86.473.524
Giảm trong kỳ		-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>389.050.829</b>	<b>533.333.340</b>	<b>922.384.169</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	486.620.000	376.893.117	516.666.664	1.380.179.781
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>486.620.000</b>	<b>340.419.597</b>	<b>466.666.660</b>	<b>1.293.706.257</b>

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào CPSXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	13.108.580.000	16.082.932.659	6.986.277.138	-	22.205.235.521
<i>Tầng 7 tòa nhà Sông Đà Hà Đông</i>	<i>13.108.580.000</i>	<i>9.096.655.521</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>22.205.235.521</i>
Mua sắm TSCĐ khác	-	6.986.277.138	6.986.277.138	-	-
XDCB dở dang	9.717.241.977	6.185.066.324	-	-	15.902.308.301
<i>Dự án Khai thác và Sản xuất đá xây dựng</i>	<i>112.511.906</i>	<i>1.844.175.670</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.956.687.576</i>
<i>DA khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh</i>	<i>2.698.060.816</i>	<i>68.220.492</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.766.281.308</i>
<i>Trụ sở Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long</i>	<i>5.085.566.106</i>	<i>319.889.697</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.405.455.803</i>
<i>Công trình nhà máy Thủy điện To Bông</i>	<i>298.897.070</i>	<i>3.815.969.562</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.114.866.632</i>
<i>Khu ĐT Nhơn Trạch - Đồng Nai</i>	<i>1.522.206.079</i>	<i>136.810.903</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.659.016.982</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	173.099.182	-	139.099.182	34.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.825.821.977</b>	<b>22.441.098.165</b>	<b>6.986.277.138</b>	<b>139.099.182</b>	<b>38.141.543.822</b>

### 12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư tại 30/6/10</u>	<u>Vốn đầu tư Tại 01/01/10</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	33,12%	33,12%	7.231.301.249	6.941.124.180
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	36%	36%	8.751.445.763	-
<b>Cộng</b>			<b>15.982.747.012</b>	<b>6.941.124.180</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết, liên doanh được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ lợi ích tại 30/06/2010	Vốn góp đến ngày 30/06/2010	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30/06/2010
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	33,12%	5.000.000.000	2.231.301.249	7.231.301.249
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	36%	7.200.000.000	1.551.445.763	8.751.445.763
<b>Cộng</b>		<b>12.200.000.000</b>	<b>3.782.747.012</b>	<b>15.982.747.012</b>

### 13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà <sup>(a)</sup>	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch (Mua cổ phần ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà)	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (Mua cổ phần ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà) <sup>(b)</sup>	2.200.000.000	2.200.000.000
Trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà <sup>(c)</sup>	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.400.000.000</b>	<b>22.400.000.000</b>

<sup>(a)</sup> Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND.

<sup>(b)</sup> Trong đó, tiền mua cổ phần là 2.000.000.000 VND, phí ủy thác là 200.000.000 VND.

<sup>(c)</sup> Trái phiếu chuyển đổi SDFC có mệnh giá là 1.000.000 VND x 15.000 Trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng.

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	1.756.886.905	1.015.826.393	622.004.244	15.241.665	2.135.467.389
Chi phí thuê văn phòng	51.872.000			51.872.000	-
Phí bảo hiểm xe ô tô	9.065.000			9.065.000	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	42.816.064		33.702.335		9.113.729
Chi phí khác	1.931.250.000		112.500.000		1.818.750.000
<b>Cộng</b>	<b>3.791.889.969</b>	<b>1.015.826.393</b>	<b>768.206.579</b>	<b>76.178.665</b>	<b>3.963.331.118</b>

(\*) Số giảm khác là của Chi nhánh Sông Đà 11.3 tách ra khi chuyển góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

### 16. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất Công ty con - Công ty Cổ phần thủy điện To Bông, chi tiết tăng giảm trong kỳ như sau:

Số đầu năm	3.515.000.000
Số phát sinh trong kỳ	-
Số kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(370.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.145.000.000</b>

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>35.627.905.378</b>	<b>31.339.136.916</b>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	5.775.465.163	9.279.533.460
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	25.668.530.983	2.142.595.083
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	4.183.909.232	11.267.391.941
Ngân hàng NN&PTNT Láng Hạ	-	8.649.616.432
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>12.506.138.815</b>	<b>72.809.986.273</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	12.506.138.815	72.809.986.273
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>9.710.348.828</b>	<b>16.701.697.656</b>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	4.991.000.000	9.406.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	-	1.240.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	2.517.348.828	3.638.697.656
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	2.202.000.000	2.417.000.000
<b>Cộng</b>	<b>57.844.393.021</b>	<b>120.850.820.845</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.339.136.916	41.386.457.172	37.097.688.710	35.627.905.378
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	72.809.986.283	5.691.107.714	65.994.955.172	12.506.138.825
Vay dài hạn đến hạn trả	16.701.697.646		6.991.348.828	9.710.348.818
<b>Cộng</b>	<b>120.850.820.845</b>	<b>47.077.564.886</b>	<b>110.083.992.710</b>	<b>57.844.393.021</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, thiết bị	55.736.065.495	39.432.815.632
Phải trả nhà cung cấp điện	1.040.219.152	252.421.938
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	1.703.608.470	2.761.337.783
Phải trả nhà thầu xây lắp	84.543.291.757	84.643.745.018
Phải trả nhà cung cấp khác	1.735.124.557	2.493.507.173
<b>Cộng</b>	<b><u>144.758.309.431</u></b>	<b><u>129.583.827.544</u></b>

### 19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	197.564.770.849	172.521.734.154
Ứng trước tiền mua thành phẩm	37.524.832	9.639.342
Các khoản ứng trước khác	6.014.178.952	682.856.686
Phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	202.250.000	202.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>203.818.724.633</u></b>	<b><u>173.416.480.182</u></b>

### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.169.990.507	10.908.749.588	9.313.890.511	8.764.849.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.735.762.437	4.879.987.241	3.524.061.385	7.091.688.293
Thuế thu nhập cá nhân	96.026.353	201.050.219	41.499.189	255.577.383
Thuế tài nguyên	192.238.474	342.457.685	189.556.435	345.139.724
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	14.000.000	14.000.000	-
Các loại thuế khác	-	18.000.000	18.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	39.000.000	143.078.658	155.000.000	27.078.658
<b>Cộng</b>	<b><u>13.233.017.771</u></b>	<b><u>16.507.323.391</u></b>	<b><u>13.256.007.520</u></b>	<b><u>16.484.333.642</u></b>

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.17.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.898.827.504	18.237.937.660
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	611.301.294	63.136.098
Chi phí không hợp lệ (tiền phạt...)	84.301.294	63.136.098
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	370.000.000	
Thù lao HĐQT và BKS không điều hành sản xuất	157.000.000	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.095.843.634)	(153.398.270)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(100.000.000)	
Lãi trong Công ty liên kết	(1.995.843.634)	(153.398.270)
Tổng thu nhập chịu thuế	19.414.285.164	18.147.675.488
Thu nhập chịu thuế được giảm 50% thuế TNDN		13.313.286.245
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i></b>	<b>4.853.571.291</b>	<b>4.536.918.872</b>
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i></b>		<b>(1.664.160.780)</b>
<b><i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</i></b>	<b>26.415.950</b>	<b>45.297.742</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.879.987.241</b>	<b>2.918.055.834</b>

### ***Thuế tài nguyên***

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên nhân (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

### ***Thuế nhà đất***

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### ***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	30.473.023.061	18.911.374.835
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	523.517.932	-
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	4.881.925.955	691.647.767
Chi phí thuê nhà	155.400.000	190.200.000
Tiền điện tại công trình Xekaman 1	153.970.410	47.696.673
Chi phí lãi vay phải trả	130.667.616	17.778.385
Tiền mua đất san nền trạm bơm	-	602.829.717
Chi phí phải trả khác	792.576.242	922.194.653
<b>Cộng</b>	<b><u>37.111.081.216</u></b>	<b><u>21.383.722.030</u></b>

### 22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.437.166.309	1.579.592.131
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.872.142.761	2.807.073.433
Phải trả các đội tiền khoán công trình	12.157.122.070	9.484.166.943
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù (chưa quyết toán)	1.025.273.706	5.858.095.986
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình hoặc chi quá tạm ứng chưa trả	1.779.281.974	1.212.414.153
Vay vốn lưu động - BĐH DA thủy điện Sơn La	-	6.655.146.691
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	49.220.000	49.220.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	235.909.281	272.409.304
Cổ tức phải trả các cổ đông	8.340.139.173	25.139.173
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.479.594.163	7.753.776.788
<b>Cộng</b>	<b><u>31.398.349.437</u></b>	<b><u>37.719.534.602</u></b>

### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.422.644.210
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	1.469.996.250
Chi quỹ trong kỳ	<u>(516.500.000)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.376.140.460</u></b>

### 24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Chi nhánh Ngân hàng ĐT&amp;PT Điện Biên</b>	<b><u>48.000.546.906</u></b>	<b><u>48.000.546.906</u></b>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng	43.966.123.867	43.966.123.867
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114	4.034.423.039	4.034.423.039

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.		
<b><i>Chi nhánh Ngân hàng DT&amp;PT Đông Đô</i></b>	<b>3.981.891.800</b>	<b>1.414.891.800</b>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.342.09/HĐTDTH ngày 26/08/2010, vay để đầu tư mua máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009.	2.987.000.000	-
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01.342.09/HĐTDTH ngày 21/03/2009, thời hạn vay 48 tháng, vay để đầu tư “mua máy móc thiết bị thuộc dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công công trình thủy điện Sông Miện”	994.891.800	1.414.891.800
<b><i>Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung</i></b>	<b>7.925.289.373</b>	<b>7.925.289.373</b>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ngày 05/03/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác và sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”	5.870.159.257	5.870.159.257
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai.	1.020.554.013	1.020.554.013
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai.	1.034.576.103	1.034.576.103
<b><i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i></b>	<b>16.358.376.000</b>	<b>7.438.938.000</b>
Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông	16.358.376.000	7.438.938.000
<b><i>Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội</i></b>	<b>706.273.334</b>	<b>-</b>
Là khoản vay theo hợp đồng vay số 090-0000889/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI ngày 07 tháng 04 năm 2010. Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích mua xe ô tô	706.273.334	-
<b>Cộng</b>	<b>76.972.377.413</b>	<b>64.779.666.079</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	48.000.546.906	-	-	48.000.546.906
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	1.414.891.800	2.987.000.000	420.000.000	3.981.891.800
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	7.925.289.373	-	-	7.925.289.373
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	7.438.938.000	8.919.438.000	-	16.358.376.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội	-	770.480.000	64.206.666	706.273.334
<b>Cộng</b>	<b><u>64.779.666.079</u></b>	<b><u>12.676.918.000</u></b>	<b><u>484.206.666</u></b>	<b><u>76.972.377.413</u></b>

### **25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	921.615.551
Số trích lập trong kỳ	19.891.617
Số chi trong kỳ	(67.811.145)
Giảm khác	(29.905.980)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>843.790.043</u></b>

### **26. Doanh thu chưa thực hiện**

Là doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ xây dựng, lắp đặt

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 27. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	29.692.425.608	(1.122.493.785)	12.407.473.389	873.306.540	23.089.329.964	114.940.041.716
Tăng vốn trong năm trước	-	1.550.000.000	-	-	-	-	1.550.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.055.154.800	994.435.200	-	-	-	2.049.590.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	23.697.245.570	23.697.245.570
Phân phối lợi nhuận năm 2008	-	-	-	8.942.340.809	1.004.165.930	(20.381.714.599)	(10.435.207.860)
<i>Trích quỹ ĐTPT, DPTC</i>	-	-	-	<i>8.942.340.809</i>	<i>1.004.165.930</i>	<i>(9.946.506.739)</i>	-
<i>Trích thưởng Ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	<i>(200.000.000)</i>	<i>(200.000.000)</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	<i>(7.928.480.000)</i>	<i>(7.928.480.000)</i>
<i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	-	-	<i>(2.238.391.897)</i>	<i>(2.238.391.897)</i>
<i>Tạm PPLN năm 2009</i>	-	-	-	-	-	<i>(68.335.963)</i>	<i>(68.335.963)</i>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>32.297.580.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>21.349.814.198</b>	<b>1.877.472.470</b>	<b>26.404.860.935</b>	<b>131.801.669.426</b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	32.297.580.408	(128.058.585)	21.349.814.198	1.877.472.470	26.404.860.935	131.801.669.426
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	12.197.836.741	12.197.836.741
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	-	10.863.439.603	1.064.000.000	(21.697.435.853)	(9.769.996.250)
<i>Trích quỹ ĐTPT, DPTC</i>	-	-	-	<i>10.863.439.603</i>	<i>1.064.000.000</i>	<i>(11.927.439.603)</i>	-
<i>Trích thưởng Ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	<i>(300.000.000)</i>	<i>(300.000.000)</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	<i>(8.000.000.000)</i>	<i>(8.000.000.000)</i>
<i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	-	-	<i>(1.469.996.250)</i>	<i>(1.469.996.250)</i>
Giảm khác	-	-	-	-	-	(154.220.802)	(154.220.802)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>32.297.580.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>32.213.253.801</b>	<b>2.941.472.470</b>	<b>16.751.041.022</b>	<b>134.075.289.116</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Sông Đà)	18.550.000.000	18.550.000.000
Vốn góp của các cổ đông	31.450.000.000	31.450.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.747.580.408	30.747.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
<b>Cộng</b>	<b><u>80.619.521.823</u></b>	<b><u>80.619.521.823</u></b>

### *Cổ tức*

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 21 tháng 04 năm 2010 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2009 là 16% bằng cổ phiếu. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này Công ty chưa thực hiện việc chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu.

### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.994.900	4.994.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.994.900	4.994.900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### **28. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của cổ đông thiểu số	46.253.200.000	46.053.200.000
Lợi nhuận chưa phân phối, các quỹ	7.686.475.821	6.696.522.299
<b>Cộng</b>	<b><u>53.939.675.821</u></b>	<b><u>52.749.722.299</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>312.386.741.514</b>	<b>242.469.362.253</b>
Doanh thu bán điện thương phẩm	7.171.589.400	11.409.930.501
Doanh thu hoạt động xây dựng	247.610.562.969	184.360.558.284
Doanh thu hoạt động khác	57.604.589.145	46.698.873.468
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(33.689.615)</b>	-
Hàng bán bị trả lại	(33.689.615)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>312.353.051.899</b>	<b>242.469.362.253</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	2.782.270.658	5.073.597.002
Giá vốn của hoạt động xây dựng	221.649.319.477	160.575.638.662
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	44.581.761.658	35.883.583.184
<b>Cộng</b>	<b>269.013.351.793</b>	<b>201.532.818.848</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	216.093.257	176.929.371
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	3.216.308.089	564.008.544
Cổ tức được chia	100.000.000	-
Phí bảo lãnh	142.388.111	207.371.193
Lãi thu của các đội thi công	206.756.027	244.405.305
<b>Cộng</b>	<b>3.881.545.484</b>	<b>1.192.714.413</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.271.308.366	5.028.815.568
Phí bảo lãnh	142.388.111	157.703.628
Chi phí tài chính khác	-	12.000
<b>Cộng</b>	<b>9.413.696.477</b>	<b>5.186.531.196</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

Là chi phí dịch vụ mua ngoài.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.305.615.248	10.879.615.751
Chi phí vật liệu quản lý	1.205.403.058	922.680.076
Chi phí đồ dùng văn phòng	385.584.219	418.640.816
Chi phí khấu hao TSCĐ	902.621.967	799.990.530
Thuế, phí và lệ phí	323.759.422	322.081.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.857.329.855	2.530.789.373
Chi phí bằng tiền khác	4.409.843.898	3.286.468.434
<b>Cộng</b>	<b>21.390.157.667</b>	<b>19.160.266.835</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý TSCĐ	44.565.000	-
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn	2.565.539.679	-
Thu nhập từ bán dầu	800.689.173	-
Tiền bán hồ sơ thầu	3.181.818	10.000.000
Xử lý công nợ không phải trả	-	39.459.488
Hỗ trợ lãi suất tín dụng	-	453.534.986
Thu nhập khác	44.539.460	982
<b>Cộng</b>	<b>3.458.515.130</b>	<b>502.995.456</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ phải trả	-	15.000.000
Xử lý khoản nợ phải thu không thu được	10.001.263	410.936
Các khoản tiền phạt (chậm nộp BHXH, thuế GTGT...)	84.301.294	63.136.098
Chi phí mua dầu	792.853.104	
Chi phí khác	40.000.500	
<b>Cộng</b>	<b>927.156.161</b>	<b>78.547.034</b>

### 9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Là phần lợi ích Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được hưởng từ lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2010 của các công ty liên kết.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.197.836.741	13.609.892.744
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.197.836.741	13.609.892.744
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.994.900	4.955.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.442</u></b>	<b><u>2.747</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.994.900	4.955.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>4.994.900</u></b>	<b><u>4.955.300</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà bằng việc bàn giao giá trị tài sản, công nợ của Chi nhánh Sông Đà 11.3 (đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11) với giá trị là 7.200.000.000 VND.

Công ty chuyển nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà thành cho vay vốn lưu động, số phát sinh trong kỳ là 20.008.847.953 VND. Đồng thời thu hồi vốn cho vay thông qua gán trừ công nợ trong kỳ, số phát sinh trong kỳ là 17.839.408.871 VND.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.400.942.987	774.367.685

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Tập đoàn Sông Đà</i></b>		
Thu hồi vốn cho Tập đoàn vay	4.763.535	-
Phụ phí công trình Nậm Chiến phải trả Tập đoàn	-	144.657.196
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả bằng gán trừ công nợ	330.359.929	-
Tập đoàn ứng trước tiền công trình Thủy điện Nậm Chiến	4.058.293.894	-
<b><i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</i></b>		
Tiền cổ tức năm 2008	100.000.000	-
<b><i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i></b>		
Giá trị khối lượng công trình Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà thực hiện cho Công ty	44.125.609.835	-
Cho vay vốn lưu động	25.085.463.374	-
Thu hồi vốn vay	17.864.311.871	-
Lãi vay vốn lưu động	629.377.731	-
Góp vốn bằng tài sản và công nợ	7.200.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Tập đoàn Sông Đà</i></b>	<b>364.235.777</b>	<b>368.999.312</b>
Cho vay vốn lưu động	-	4.763.535
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
<b><i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</i></b>	<b>100.000.000</b>	-
Phải thu tiền cổ tức	100.000.000	-
<b><i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i></b>	<b>38.469.205.965</b>	-
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	31.248.054.462	-
Cho vay vốn lưu động	7.221.151.503	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>38.933.441.742</b>	<b>368.999.312</b>
<b><i>Tập đoàn Sông Đà</i></b>	<b>4.058.855.247</b>	<b>330.921.282</b>
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	561.353	330.921.282
Phải trả về tiền ứng trước công trình Nậm Chiến	4.058.293.894	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Lô A16 TT9, khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>	<i>31.386.812.799</i>	-
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	31.386.812.799	
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>35.445.668.046</u></b>	<b><u>330.921.282</u></b>

### 2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	988.075.521	
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	
<b>Tổng chi phí lãi vay vốn hoá</b>	<b><u>988.075.521</u></b>	<b><u>-</u></b>

### 3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính năm nay và các năm trước của Công ty.

### 4. Những thông tin khác

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được soát xét bởi A&C.

Lập, ngày 30 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Giáp Tý

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn